

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 2

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 16/06/2026

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25CD1A_01	Nguyễn Thế Bảo	18	1	2,5 Hai, Năm	Trần		
2	002	25CD1A_02	Phan Chí Cường	19	1	2,5 Hai, Năm	Phan		
3	003	25CD1A_06	Nguyễn Hải Đăng	20	1	3,5 Ba, Năm	Ng		
4	004	25CD1A_05	Võ Tiến Đạt	21	1	6,0 Sáu, Không	Đạt		
5	005	25CD1A_04	Trương Nhật Dương	22	1	2,5 Hai, Năm	Trương		
6	006	25CD1A_03	Chu Đức Duy	23	1	5,0 Năm, Không	Chu		
7	007	25CD1A_07	Nguyễn Trung Hậu	24	1	1,5 Một, Năm	Trần		
8	008	25CD1A_09	Trần Huỳnh Hiệp	25	1	1,5 Một, Năm	Trần		
9	009	25CD1A_10	Nguyễn Quốc Huy	26	1	1,5 Một, Năm	Huy		
10	010	25CD1A_11	Trương Hoàng Thái Khang	27	1	1,5 Một, Năm	Trương		
11	011	25CD1A_13	Đinh Hữu Khoa	28	1	4,0 Bốn, Không	Đinh		
12	012	25CD1A_14	Huỳnh Đăng Khoa	29	1	2,5 Hai, Năm	Huỳnh		
13	013	25CD1A_15	Lê Thanh Khoa	30	1	2,0 Hai, Không	Lê		
14	014	25CD1A_17	Võ Thái Khoa	31	1	2,0 Hai, Không	Võ		
15	015	25CD1A_18	Nguyễn Minh Khôi	32	1	3,0 Ba, Không	Nguyễn		
16	016	25CD1A_19	Võ Anh Kiệt	33	1	2,0 Hai, Không	Võ		
17	017	25CD1A_20	Đoàn Minh Kiệt	01	1	2,0 Hai, Không	Đoàn		
18	018	25CD1A_21	Lê Hoàng Gia Kiệt	02	1	3,0 Ba, Không	Lê		
19	019	25CD1A_22	Long Phan Tuấn Kiệt	03	1	3,5 Ba, Năm	Long		
20	020	25CD1A_23	Nguyễn Tấn Anh Kiệt	04	1	2,5 Hai, Năm	Nguyễn		
21	021	25CD1A_24	Trần Anh Kiệt	05	1	1,5 Một, Năm	Trần		
22	022	25CD1A_25	Trần Ngọc Thiên Long	06	1	4,0 Bốn, Không	Trần		
23	023	25CD1A_29	Nguyễn Xuân Lực	07	1	6,0 Sáu, Không	Nguyễn		
24	024	25CD1A_28	Nguyễn Thành Lương	08	1	3,5 Ba, Năm	Nguyễn		
25	025	25CD1A_30	Đỗ Nhật Minh	09	1	2,5 Hai, Năm	Đỗ		
26	026	25CD1A_32	Mai Lê Minh	10	1	2,5 Hai, Năm	Mai		
27	027	25CD1A_33	Đặng Thành Nguyên	11	1	3,5 Ba, Năm	Đặng		
28	028	25CD1A_34	Lê Tường Nhân	12	1	3,0 Ba, Không	Lê		
29	029	25CD1A_36	Nguyễn Thanh Phú	13	1	2,5 Hai, Năm	Nguyễn		
30	030	25CD1A_37	Trương Hoàng Phú	14	1	2,5 Hai, Năm	Trương		
31	031	25CD1A_38	Trần Đức Phước	15	1	1,0 Một, Không	Trần		
32	032	25CD1A_40	Nguyễn Minh Quân	16	1	2,0 Hai, Không	Nguyễn		
33	033	25CD1A_41	Phan Minh Quân	—	—	—	Phan		vắng
34	034	25CD1A_39	Tạ Minh Quang	17	1	4,5 Bốn, Năm	Tạ		

35	035	25CD1A_42	Hồ Phú	Quý	34	1	7,0 Ba, Không	Ký tên	
36	036	25CD1A_43	Lương Thái	Siu	35	1	3,0 Ba, Không	Sin	
37	037	25CD1A_44	Trần Hữu Anh	Tài	36	1	3,0 Ba, Không	Tai	
38	038	25CD1A_45	Bùi Hà Nhật	Tân	38	1	2,5 Hai, Năm	Tan	
39	039	25CD1A_46	Nguyễn Hồ Duy	Tân	38	1	2,0 Hai, Không	Tan	
40	040	25CD1A_47	Vô Thanh	Tân	39	1	1,5 Một, Năm	Tan	
41	041	25CD1A_48	Trần Chí	Thiện	40	1	8,5 Năm, Không	Tan	
42	042	25CD1A_52	Nguyễn Văn	Tiếp	41	1	1,5 Một, Năm	Tan	
43	043	25CD1A_54	Lục Đại	Tín	42	1	2,5 Hai, Năm	Tan	
44	044	25CD1A_56	Nguyễn Minh	Trí	43	1	3,5 Ba, Năm	Tan	
45	045	25CD1A_55	Huỳnh Quang	Triệu	44	1	2,0 Hai, Không	Tan	
46	046	25CD1A_59	Trần Văn	Trọng	45	1	5,0 Năm, Không	Tan	
47	047	24CD1A_44	Đỗ Trí	Văn	—	—	—	—	Văn
48	048	25CD1A_57	Lưu Quang	Vinh	46	1	3,5 Ba, Năm	Tan	
49	049	25CD1A_58	Nguyễn Trương Quốc	Vinh	47	1	2,5 Hai, Năm	Vinh	
50	050	25CD1A_60	Đặng Minh	Vũ	48	1	4,5 Bốn, Năm	Vũ	

Tổng số: 50

Số sinh viên có mặt: 48.

Số sinh vắng mặt: 02.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2026

Số bài thi: 48.

Số tờ giấy thi: 48.

Giám thị 1

Nguyễn Hữu Tài

Duyệt

P. Trưởng khoa

Vô Thanh Việt

Giám thị 2

L. H. Ý Nhi

Thư ký khoa

Phan Thị Thuý Hằng